

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

Về việc: Hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Đình Thanh

Thư ký phiên họp: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên họp: Ông Y Lương Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 191/2019/TLST-VHNGĐ ngày 12/6/2019, Về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 39/2019/QĐST-VDS ngày 10/7/2019 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 54 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo pháp luật: Ông Bạch H, chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân phường T

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Công chức tư pháp hộ tịch phường T (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1972 – Có đơn giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bà Trương Thị Bích P, sinh năm 1984 – Có đơn giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại bản tự khai và tại phiên họp ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu trình bày:

Ngày 01/3/2019, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B có nhận hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Minh H và chị Trương Thị Bích P.

Ủy ban nhân dân phường đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông H, bà P và đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo số 14 do UBND phường T cấp ngày 01/3/2019. Tại tờ khai đăng ký kết hôn ông H khai đăng ký kết hôn lần 2 và cung cấp Quyết định công nhận thuận tình ly hôn với bà Nguyễn Thị A.

Sau khi cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho ông H, bà P thì Ủy ban nhân dân phường T phát hiện ông Nguyễn Minh H đã đăng ký kết hôn lần 2 với bà Võ Thị V, sinh năm 1979 theo Giấy đăng ký kết hôn số 134 do UBND phường T cấp ngày 15/7/2004.

Theo hồ sơ được lưu tại UBND phường T thì ông H chưa ly hôn với bà V mà tiếp tục đăng ký kết hôn với bà P đã vi phạm điểm c khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân gia đình.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường T yêu cầu Tòa án hủy hôn nhân trái pháp luật giữa ông Nguyễn Minh H và bà Trương Thị Bích P và giải quyết hậu quả của việc hủy hôn nhân trái pháp luật theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ngày 15/7/2004, ông Nguyễn Minh H có đăng ký kết hôn với bà Võ Thị V, sinh năm 1979 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vào năm 2005, bà V đã bỏ đi, đến nay vẫn không có tin tức gì, ông H và bà V có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 2004, ông H là người chăm sóc cháu từ khi bà V bỏ đi tới nay.

Từ năm 2016 thì ông H có sống chung với bà Trương Thị Bích P. Vì thiếu hiểu biết quy định của pháp luật nên vào ngày 01/3/2019, ông H đã đăng ký kết hôn với bà Trương Thị Bích P tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B khi chưa làm thủ tục ly hôn với bà Võ Thị V. Ông H và bà P có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/01/2019.

Nay UBND phường T yêu cầu Tòa án hủy hôn nhân trái pháp luật thì nguyện vọng của ông H là chấp nhận việc hủy hôn nhân trái pháp luật giữa ông H và bà P.

Về con chung: Ông H chấp nhận giao con chung là cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/01/2019 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Bích P trình bày:

Bà Trương Thị Bích P và ông Nguyễn Minh H sống chung từ năm 2016. Ngày 01/3/2019, bà P và ông H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, khi đăng ký kết hôn thì chị P không biết việc ông H có đăng ký kết hôn với bà V hay không hay đã ly hôn với bà V hay chưa bởi bà V đã bỏ nhà đi từ lâu. Ông H cũng không cung cấp thông tin về việc đăng ký kết hôn với bà V cho bà P và Ủy ban nhân dân phường T được biết nên Ủy ban nhân dân phường T đã tiến hành các thủ tục đăng ký kết hôn cho ông H và bà P.

Nay UBND phường T yêu cầu Tòa án hủy hôn nhân trái pháp luật thì nguyện vọng của bà P là chấp nhận việc hủy hôn nhân trái pháp luật giữa ông H và bà P.

Về con chung: Bà P và ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/01/2019. Nguyện vọng của bà P là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th đến tuổi thành niên và không yêu cầu Tòa án cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên họp:

Quá trình từ khi thụ lý việc dân sự đến khi mở phiên họp, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật. Tại phiên họp, Thẩm phán, chủ tọa phiên họp cũng như người yêu cầu đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự để hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Nguyễn Minh H và bà Trương Thị Bích P theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 01/3/2019.

Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Ông Nguyễn Minh H và bà Trương Thị Bích P phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/01/2019 cho bà Trương Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của Ủy ban nhân dân phường T ngày 14/5/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã xác định được ông Nguyễn Minh H và bà Trương Thị Bích P đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B vào ngày 01/3/2019; Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Ngày 15/7/2004, ông Nguyễn Minh H đã đăng ký kết hôn với bà Võ Thị V theo Giấy kết hôn số 134 tại Ủy ban nhân dân phường T, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Vào ngày 01/3/2019, Ủy ban nhân dân phường T không biết việc ông H đã có vợ là Võ Thị V nhưng chưa ly hôn nên Ủy ban nhân dân phường T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn giữa ông Nguyễn Minh H và bà Trương Thị Bích P theo giấy kết hôn số 14. Khi kiểm tra thì Ủy ban nhân dân phường T phát hiện ông H chưa ly hôn với bà V nhưng đã kết hôn với bà P. Như vậy ông Nguyễn Minh H đang có vợ là bà Võ Thị V nhưng kết hôn và chung sống như vợ chồng với bà Trương Thị Bích P là vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại khoản điểm d khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân gia đình và thuộc trường hợp cấm kết hôn theo điểm c khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân gia đình.

Ông Nguyễn Minh H cũng thừa nhận do thiếu hiểu biết các quy định pháp luật nên đã kết hôn với bà P khi chưa làm thủ tục ly hôn với bà V và ông H, bà P đều đồng ý việc hủy kết hôn trái pháp luật.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường T đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Minh H và bà Trương Thị Bích P theo giấy kết hôn số 14, do UBND phường T cấp ngày 01/3/2019 là có căn cứ cần được chấp nhận.

Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Ông Nguyễn Minh H và bà Trương Thị Bích P phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo khoản 1 Điều 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông H và bà P đều có nguyện vọng giao con chung là cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/01/2019 cho bà Trương Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí: Người yêu cầu là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B không phải nộp lệ phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B.

Tuyên bố: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Minh H và bà Trương Thị Bích P theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B cấp ngày 01/3/2019.

2. Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Ông Nguyễn Minh H và bà Trương Thị Bích P phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/01/2019 cho bà Trương Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B không phải nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đường sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Lê Đình Thanh